

Số: 52 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bò sữa Việt Nam

Thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 13/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bò sữa Việt Nam; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 02/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bò sữa Việt Nam (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000268824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25/7/2023.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: chăn nuôi trâu, bò và sản xuất trâu, bò giống.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 10 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại giao dịch: 028.5415.5555.

- Tài khoản số 0071004035458 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: tòa nhà VBB, số 5 công trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp tại thời điểm thanh tra: 56 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Doanh nghiệp chưa thông báo về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan bảo hiểm xã hội.

- Đã báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Phương thức tuyển: doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng bằng việc đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề; hợp đồng học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh

- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người đã ký hợp đồng lao động: 56 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 46 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 10 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người lao động chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Kiểm tra 10 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động, nội dung hợp đồng lao động ghi chưa chi tiết: mục công việc phải làm ghi "...các công việc khác khi được người sử dụng lao động phân công", mục địa điểm làm việc ghi "...các địa điểm khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động".

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 02 lao động thôi việc, không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước 05 ngày làm việc trước ngày đối thoại.

- Doanh nghiệp đã tổ chức thương lượng tập thể và ký kết TULĐTT. Hồ sơ TULĐTT không có biên bản thương lượng tập thể, chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại.

- Đã thực hiện đúng nội dung TULĐTT.

- Đã gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương thấp nhất doanh nghiệp áp dụng là 5.811.000 đồng/đồng/người/tháng, không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

- Thu nhập thấp nhất: 6.682.650 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 160.874.650 đồng/người/tháng; bình quân: 36.827.829 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Doanh nghiệp trả lương theo thời gian, qua tài khoản ngân hàng (người sử dụng lao động trả chi phí dịch vụ).

- Tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, tiền lương làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương: không phát sinh.

- Việc trả tiền lương những ngày người lao động chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: doanh nghiệp thực hiện theo quy định.

- Tại doanh nghiệp không phát sinh ngừng việc.

- Doanh nghiệp không khấu trừ tiền lương của người lao động trái luật.

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp hỗ trợ ăn ca mức 40.000 đồng/người/ngày.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp tổ chức làm việc không quá 10 giờ/ngày, 48 giờ/tuần, nghỉ ngày chủ nhật.

- Doanh nghiệp không huy động người lao động làm thêm giờ.

- Đã thực hiện nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động tại doanh nghiệp trong điều kiện lao động bình thường là 12 ngày (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 7 năm 2014. Nội quy lao động có nội dung không đúng quy định, cụ thể:

+ Chưa quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động, xử lý bồi thường thiệt hại.

+ Quy định: “Do đặc thù của ngành nghề hoạt động của Công ty, người sử dụng lao động có quyền yêu cầu người lao động làm thêm giờ hoặc đi làm trong những ngày nghỉ có hưởng lương, nếu người lao động làm thêm giờ thì được bố trí nghỉ bù, nếu không thể giải quyết nghỉ bù được thì mới trả lương làm thêm giờ.”.

+ Quy định: “Người lao động không được khiếu nại sai sự thật,...”.

+ Quy định nghỉ lễ Quốc khánh là 01 ngày (02 tháng 9).

+ Quy định sa thải đối với người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng theo quy định pháp luật.

+ Chưa quy định nội dung phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

+ Chưa quy định trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: không phát sinh.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Doanh nghiệp đang sử dụng 15 lao động nữ.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nam/nữ riêng biệt.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản theo quy định.

- Đã thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài



Doanh nghiệp sử dụng 01 lao động là người nước ngoài, đã được cấp giấy phép lao động.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Doanh nghiệp không sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Túi sơ cứu chưa đủ số lượng dụng cụ (thiếu mặt nạ phòng độc, nẹp cổ, nẹp đùi, nẹp cẳng chân, kính bảo vệ mắt).

- Doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lao động nữ theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Tại thời điểm thanh tra:

+ Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 55 người; số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 54 người; số người chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 01 người (giao kết hợp đồng lao động từ ngày 20/02/2024, đã báo tăng trong tháng 3/2024).

+ Số người đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 55 người; số người đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 54 người; số người chưa tham gia: 0 người; số người không thuộc diện phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 01 người lao động nước ngoài, doanh nghiệp đã chi trả cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền tương đương mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trên hợp đồng lao động và khoản hỗ trợ từ kết quả công việc được nhận.

- Số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 02/2024: 347.567.804 đồng.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đủ tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội; số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện các báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động và báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

1.3. Không thu phí tuyển dụng lao động.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động theo quy định.

1.5. Đã ký kết và thực hiện TULĐTT.

1.6. Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 40.000 đồng/người/ngày.

1.9. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

1.10. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.11. Tại doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

1.12. Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

1.13. Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

1.14. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.15. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lao động nữ theo quy định.

1.16. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% số người thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Nội dung của 10 hợp đồng lao động được kiểm tra chưa đảm bảo quy định: mục công việc phải làm ghi "...các công việc khác khi được người sử dụng

lao động phân công”, mục địa điểm làm việc ghi “...các địa điểm khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước 05 ngày làm việc trước ngày đối thoại theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.4. Trình tự, thủ tục xây dựng TULĐTT:

- Hồ sơ TULĐTT không có biên bản cuộc họp thương lượng tập thể theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Lao động.

- Chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.5. Nội quy lao động có nội dung không đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Chưa quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

- Chưa quy định người có thẩm quyền xử lý bồi thường thiệt hại theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Quy định: “Do đặc thù của ngành nghề hoạt động của Công ty, người sử dụng lao động có quyền yêu cầu người lao động làm thêm giờ hoặc đi làm trong những ngày nghỉ có hưởng lương, nếu người lao động làm thêm giờ thì được bố trí nghỉ bù, nếu không thể giải quyết nghỉ bù được thì mới trả lương làm thêm giờ.” là không đúng quy định tại Điều 98 Bộ luật Lao động.

- Quy định: “Người lao động không được khiếu nại sai sự thật,...” là không đúng quy định tại Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ Quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp, hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động.

- Quy định nghỉ lễ Quốc khánh là 01 ngày (ngày 02 tháng 9) là không đúng quy định tại điểm đ Điều 112 Bộ luật Lao động.

- Quy định sa thải đối với người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng theo quy định pháp luật là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 125 Bộ luật Lao động.

- Chưa quy định nội dung phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

- Chưa quy định trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.6. Túi sơ cứu chưa đủ loại dụng cụ (thiếu mặt nạ phòng độc, nẹp cổ, nẹp đùi, nẹp cẳng chân, kính bảo vệ mắt) quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra như sau: khắc phục ngay sai phạm nêu tại điểm 2.6; các sai phạm khác thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/5/2024./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (đề t/h);
- Chánh thanh tra (đề b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp